TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HC-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lư Văn Sĩ.
2. Ông Lê Minh Đang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 09/2023/TLST-HC ngày 13 tháng 4 năm 2023, về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HC, ngày 06 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2023/QĐST-HC ngày 25 tháng 7 năm 2023; Thông báo dời phiên tòa số 13/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Lý Tuyết P.

Địa chỉ: Khu V, phường V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L; ông Trần Chí N, cùng địa chỉ: A đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ. (Ông N có mặt còn ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện P1, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Văn V – Chức vụ: Phó chủ tịch được phân công thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch (đại diện theo pháp luật, theo công văn số 1913/UBND-NCTH ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H). Ông Lê Như L1 – Chức vụ: Phó chủ tịch (người đại diện theo ủy quyền), (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ủy ban nhân dân huyện P1, tỉnh Hậu Giang: Ông Trương Thanh B – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện P1, tỉnh Hậu Giang, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn C, huyện P1, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đồng Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Số B Hòa Bình, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2023, và các tài liệu có trong hồ sơ người khởi kiện bà Lý Tuyết P và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Chí N trình bày:

Bà P có phần diện tích 167,3m^2 loại đất ở đô thị tọa lạc tại ấp H, thị trấn K, huyện P1, tỉnh Hậu Giang. Phần đất trên bị thu hồi hết diện tích để thực hiện dự án Khu dân cư và Trung tâm Thương mại H1. Đến ngày 16/3/2023, bà P nhận được Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P1, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu dân cư và Trung tâm Thương mại H1 tại thị trấn K, huyện P1, tỉnh Hậu Giang (đợt 12) (viết tắt Quyết định số 953), trong đó bà P được bồi thường 01 nền tái định cư diện tích 73,8m^2 thửa 1596 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp H, thị trấn K, huyện P1, tỉnh Hậu Giang và phải nộp tiền chênh lệch sử dụng đất là 120.267.800 đồng.

Xét thấy, Quyết định số 953 phê duyệt bồi thường, tái định cư cho bà P là không đúng, vì:

Căn cứ mục 1 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 150m^2 được bồi thường bằng 02 nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư. Mặt khác, về tiền chênh lệch sử dụng đất buộc bà P phải nộp số tiền 120.267.800đồng là không phù hợp, vì bà bị thu hồi diện tích 167,3m^2 đất ở tính giá đất bồi thường 40.763.800 đồng là không thỏa đáng.

Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết hủy một phần Quyết định số 953 (Phần liên quan đến bà P).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử: Người bị kiện vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Đối với việc cấp tái định cư: Về phía Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện P1 đã bố trí được nền tái định cư nhưng đang đợi Ủy ban nhân dân tỉnh H cho giá để phê duyệt bổ sung cho bà P.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho bà P yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét Quyết định số 7470/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND huyện P1 (Viết tắt Quyết định số 7470).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2

Điều 193 của Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 953 (phần liên quan đến bà P). Bác yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7470.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của người khởi kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Bà P yêu cầu hủy một phần Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P1 (Phần liên quan đến bà P), đây là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính. Ngày 27 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà P nên còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho người khởi kiện đã cung cấp Quyết định mới 7470 về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 953. Tuy nhiên, người khởi kiện không đồng ý rút đơn khởi kiện. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn phải xem xét tính hợp pháp của Quyết định bị khởi kiện số 953 phần liên quan đến bà Lý Thị Tuyết P.

[2] Về nội dung

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 953 (phần liên quan đến bà P) là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về hình thức quyết định: Căn cứ vào Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 953 (phần liên quan đến bà P) là đúng hình thức.

[2.3] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Căn cứ vào Điều 67, Điều 69 của Luật đất đai năm 2013 thì UBND huyện P1 ban hành Quyết định số 953 (phần liên quan đến bà P) là đúng trình tự, thủ tục.

[2.4] Về nội dung quyết định:

Ngày 27/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện P1 ban hành quyết định số 5474 thu hồi diện tích đất 167,3m^2 loại đất ở đô thị tọa lạc tại ấp H, thị trấn K, huyện P1, tỉnh Hậu Giang của bà Lý Thị Tuyết P (viết tắt là Quyết định số 5474) để thực hiện dự án khu dân cư và Trung tâm thương mại H1 theo quy định tại Điều 62 Luật đất đai. Cùng ngày, Ủy ban nhân dân huyện P1 ban hành Quyết định số 5475 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Viết tắt là Quyết định số 5475)

Không đồng ý với các quyết định trên, bà P đã khiếu nại và sau đó khởi kiện ra tòa. Tại bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang số 22/2019/HC-ST đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P tuyên hủy một phần Quyết định phê duyệt số 5475, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy một phần quyết định thu hồi số 5474. Tại bản án hành chính phúc thẩm 533/2020/HC-PT của Tòa án nhân dân Cấp cao Tại thành phố Hồ Chí Minh đã y án sơ thẩm.

Đến ngày 07/02/2023, Ủy ban nhân dân huyện P1 ban hành Quyết định số 953 phê duyệt cho bà P 01 nền tái định cư có diện tích 73,8m^2 lô G nền số 11 thửa 1596 bà P phải nộp tiền chênh lệch giá trị bồi thường về đất ở 120.267.800 đồng

[2.4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà P về cấp thêm 01 nền tái định cư thấy rằng:

Diện tích phần đất của bà P bị thu hồi để thực hiện dự án là 167,3m^2 đất ở đô thị, tại thời điểm bị thu hồi, bà P không còn đất ở, nhà ở nào khác trên địa bàn thị trấn K và bà P có nhu cầu xin được bồi thường bằng đất ở. Căn cứ Điều 79 Luật đất đai năm 2013 quy định "*Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở*" và tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP cũng quy định "*Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc diện tích dất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở...không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư*". Do đó Quyết định số 953 phê duyệt cho bà P bồi thường bằng đất ở là đúng quy định.

Tuy nhiên, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì "*Diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 150m^2, được bồi thường bằng 02 nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư*". Như vậy, với diện tích thu hồi của bà P 167,3m^2 đất ở, đối chiếu vào quy định trên thì bà P phải được bồi thường bằng 02 nền tái định cư nhưng Quyết định số 953 chỉ phê duyệt bồi thường cho bà P 01 nền tái định cư là không phù hợp. Do đó, yêu cầu của bà P đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P1 phê duyệt thêm 01 nền tái định cư là có cơ sở.

[2.4.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P cho rằng áp giá bồi thường phần đất bị thu hồi thấp nhưng giá nền tái định cư được giao cao, Hội đồng xét xử thấy rằng.

Căn cứ quyết định số 5474 ngày 27/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P1 đã thu hồi của bà P 167,3m^2 đất ở đô thị tại thửa đất số 33 tờ bản đồ số 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-01130.

Căn cứ vào Quyết định số 953 đã phê duyệt bồi thường phần đất ở cho bà P1 167,3m^2 với số tiền là 40,267.800 đồng. Bà P được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư tại chổ 01 nền diện tích 73,8m^2 thửa 1596 tờ bản đồ số 01 với đơn giá 2.182.00 đồng/m^2 bằng 161.031.600 đồng.

Xét thấy theo Quyết định 953 thì đơn giá bồi thường phần đất thu hồi được áp dụng theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 nhưng giá đất ở được bồi thường tại khu tái định cư được thực hiện theo Công văn số 1064/UBND-NCTH ngày 26/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Như vậy, phần đất ở của bà P thu hồi và được bồi thường bằng đất ở tại khu tái định nhưng xác định giá đất thu hồi và giá đất bồi thường ở hai thời điểm khác nhau.

Căn cứ Điều 69 Luật đất đai quy định "*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày".* Căn cứ vào Điều

85 Luật đất đai quy định *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhệm tổ chức lập và thực hiện dự án tái định cư trước khi thu hồi đất"*. Đồng thời tại Điều 26 Nghị định 47/2014/NĐ-CP quy định "*Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư nhưng phải đảm bảo có đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất"*. Từ đó cho thấy Luật đất đai và Nghị định 47/2014/NĐ-CP đều quy định thời điểm thu hồi đất thì công tác bố trí định cư được thực hiện xong nên giá đất nền tái định cư theo quy định trên phải được thực hiện trước hoặc tại thời điểm áp giá bồi thường đất ở bị thu hồi. Vì vậy UBND huyện P1 áp giá bồi thường thu hồi đất vào năm 2017 còn giá bồi thường bằng đất ở tại khu tái định cư lại vào năm 2020 là không hợp lý nên bà P khởi kiện cho rằng về áp giá bồi thường đất và giá giao nền tái định cư không đúng là có cơ sở.

[3]. Từ những cơ sở trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Tuyết P là có căn cứ chấp nhận. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phù hợp nên được chấp nhận.

Do Quyết định số 7470 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 953 là đúng với quyền và nghĩa vụ của người bị kiện được quy định tại khoản 4 Điều 57 Luật tố tụng hành chính và đúng với yêu cầu của người khởi kiện. Xét thấy, Quyết định số 7470 không thu hồi, hủy bỏ riêng đối với phần liên quan từng người nên Quyết định số 7470 đã được ông Nguyễn Tuấn H khởi kiện ra Tòa và đã được xem xét trong bản án trước đó nên trong vụ án đối với người khởi kiện bà P, Hội đồng xét xử không phải xem xét lại.

[4]. Về án phí hành chính sơ thẩm: Người bị kiện phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 30, Điều 32, Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015;

Điều 62, Điều 69 và Điều 79, 85 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 6, 26, 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Tuyết P. Hủy một phần Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân huyện P1, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu dân cư và trung tâm thương mại H1 tại thị trấn K, huyện P1, tỉnh Hậu Giang (đợt 12) (Phần liên quan đến bà P).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện P1 phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 05/9/2023. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Thọ